Người ký: NGUYỄN HỮU NGỌC
Ngày ký: 17/06/2026 08:05:18
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: HĐBT, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện DA đầu tư XD tuyến đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng trên địa bàn xã Bình Giang
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BÌNH GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 883/QĐ-UBND	*Bình Giang, ngày 15 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường GPMB và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, trên địa bàn xã Bình Giang – Đợt 4

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của UBND thành phố Hải

Phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND thành phố;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng trên địa bàn xã Bình Giang, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Chứng thư định giá đất số: 01/IVS/CT- ĐGĐ ngày 08/06/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư IVS về việc xác định giá đất cụ thể để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. Địa điểm: xã Bình Giang, TP Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày 12 tháng 06 năm 2026 của Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, trên địa bàn xã Bình Giang – Đợt 4; Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. Địa điểm: KDC Bờ Um, thôn Lý Đỏ, xã Bình Giang, TP Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 116/TTr-KT, ngày 15 tháng 06 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

I. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, trên địa bàn xã Bình Giang, TP Hải Phòng – Đợt 4, cụ thể như sau:

STT	Loại đất/Đoạn/Vị trí	Ký hiệu	Giá đất theo Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (Đồng/m2)	Giá đất cụ thể (Đồng/m2)
1	***Đất ở***			
1.1	Khu dân cư mới ven đường 395 (Bờ Um, Đồng Mái, Gốc Lim) xã Bình Giang	ONT		
-	Vị trí 1		20.000.000	37.300.000

II. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, trên địa bàn xã Bình Giang, TP Hải Phòng – Đợt 4, cụ thể như sau:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân – Đợt 4 là: **19.548.567.869** đồng, *(Mười chín tỉ, năm trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng)*, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và phương án chi tiết đối với từng hộ gia đình, cá nhân.

a) Tổng diện tích thu hồi, hỗ trợ: 510,0 m².

Trong đó:

- Đất ở nông thôn (ONT): 510,0 m²;
- Vị trí thu hồi: Đất ở tại KDC Bờ Um, thôn Lý Đỏ, xã Bình Giang.

b) Tổng số hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất và tài sản trên đất bị thu hồi, bồi thường, hỗ trợ: 08 hộ gia đình.

c) Phương án bố trí tái định cư:

- Hình thức tái định cư: Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Địa điểm tái định cư: Dự kiến tại Điểm dân cư mới thôn Tân Hưng mở rộng sang thôn Lý Đỏ, xã Bình Giang, thành phố Hải Phòng.

d) Tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của 08 hộ gia đình, cá nhân là: **19.398.567.869** đồng, *(Mười chín tỉ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng)*.

* Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

1.1. Hộ gia đình ông Vũ Văn Toán và bà Bùi Thị Về

+ Số CCCD: 030074018715 và 030176006069

+ Nơi thường trú: thôn Bùi Xá, xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: thôn Bùi Xá, xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85,0 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được UBND huyện Bình Giang (cũ) cấp tại thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: **3.170.500.000** đồng (Ba tỉ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

1.2. Hộ gia đình ông Vũ Đức Chuyên và bà Vũ Thị Thơm

+ Số CCCD: 030071016084 và 030170004931

+ Nơi thường trú: xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85,0 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được UBND huyện Bình Giang (cũ) cấp tại thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: **3.170.500.000** đồng (Ba tỉ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

1.3. Hộ gia đình bà Trần Thị Hà

+ Số CCCD: 030194007547

+ Nơi thường trú: thôn Lý Đỏ, xã Bình Giang, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: thôn Lý Đỏ, xã Bình Giang, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1366, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang cấp tại thửa đất số 1366, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: 3.270.174.011 đồng (Ba tỉ, hai trăm bảy mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm mười một đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng.

- Bồi thường tài sản: 94.927.630 đồng.

- Hỗ trợ tiền thưởng tiến độ (bằng 5% giá trị tài sản được bồi thường, hỗ trợ nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ): 4.746.381 đồng.

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

1.4. Hộ gia đình ông Phạm Chí Sơn và bà Lê Thị Hạnh

+ Số CCCD: 030065019211 và 031169001233

+ Nơi thường trú: Phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: Phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang cấp tại thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: **3.170.500.000** đồng (Ba tỉ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

1.5. Hộ gia đình ông Đặng Hữu Biên, bà Đỗ Thị Giang + Ông Vũ Viết Tuyên, bà Bùi Thị Nhất

+ Số CCCD: 030088002167 và 030193010745; cùng 030073004174 và 030174002903

+ Nơi thường trú: thôn Bằng Giã, xã Bình Giang và thôn Phục Lễ, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: thôn Bằng Giã, xã Bình Giang và thôn Phục Lễ, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85,0 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang cấp tại thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: 3.446.393.858 đồng (Ba tỉ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi năm đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng.

- Bồi thường tài sản: 262.756.055 đồng.

- Hỗ trợ tiền thưởng tiến độ (bằng 5% giá trị tài sản được bồi thường, hỗ trợ nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ): 13.137.803 đồng.

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

1.6. Hộ gia đình ông Đặng Hữu Tuân, bà Lâm Thị Hương + Bà Vũ Thị Liên

+ Số CCCD: 030080015279 và 030187007926; cùng 030157004027

+ Nơi thường trú: thôn Bằng Giã, xã Bình Giang và thôn Lý Dương, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng.

+ Nơi ở hiện nay: thôn Bằng Giã, xã Bình Giang và thôn Lý Dương, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng.

a) Tổng diện tích thu hồi 85,0 m^2 tại thửa đất số 1369, tờ bản đồ số 4 *(Theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xã Bình Giang do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng lập ngày 14/7/2025)*, trong đó:

+ Thu hồi 85,0 m^2 đất ở tại nông thôn nằm trong GCN QSD đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang cấp tại thửa đất số 1369, tờ bản đồ số 4.

(theo Văn bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Bình Giang)

b) Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Tổng số tiền: **3.170.500.000** đồng (Ba tỉ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường đất ở tại vị trí 1: 85,0 m^2 x 37.300.000 đồng/m^2 = 3.170.500.000 đồng

Số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được UBND xã phê duyệt sẽ tiến hành chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

2. Điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi nhà nước thu hồi đất

a) Điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả tại mục 2.2, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã Bình Giang thành:

"c) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân là: **1.095.000.000** đồng, *(Một tỉ, không trăm chín mươi năm triệu đồng)*, bao gồm:

- Tổng số ngôi mộ: 30 ngôi mộ.

+ Chi phí đào, bốc và xây mới: 300.000.000 đồng;

+ Chi phí hỗ trợ: 195.000.000 đồng;

+ Hỗ trợ chi phí gia đình tự thu xếp về đất để di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí tái định cư: 600.000.000 đồng."

b) Bổ sung số tiền 30 hộ gia đình, cá nhân được nhận sau khi điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ: **150.000.000** đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*.

* Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

(Có bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Phòng Kinh tế có trách nhiệm:

Chủ trì, phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của thôn, khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế, Ban Quản lý dự án xã Kẻ Sặt phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của thôn, khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được Chủ tịch UBND xã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Trưởng Phòng Kinh tế, Ban Quản lý dự án ĐTXD xã Kẻ Sặt, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BÌNH GIANG T.P HẢI DƯƠNG

Vũ Đăng Chương

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

TÀI SẢN, CÂY TRỒNG, HOA MÀU TRÊN ĐẤT CẦN GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Địa điểm: xã Bình Giang, thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số: 883/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Bình Giang)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi theo TB thu hồi đất (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Diện tích thu hồi theo nguồn gốc (m2)	Trong đó: Diện tích đất ở tại nông thôn (ONT) nằm trong GCN QSD đất đã được UBND huyện Bình Giang (cũ) cấp	Bồi thường đất ở nông thôn	Bồi thường, hỗ trợ tài sản (đồng)	Hỗ trợ tiền thưởng tiến độ	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)= (9)*37.300.000*	*(11)*	*(12)=11*5%*	*(13=10+11+12)*	*(14)*
1	**Vũ Văn Toán và Bùi Thị Về**	4	1364	85,0	2,8	82,2	85,0	85,0	3.170.500.000			**3.170.500.000**	
2	**Vũ Đức Chuyên và Vũ Thị Thơm**	4	1365	85,0	23,0	62,0	85,0	85,0	3.170.500.000			**3.170.500.000**	
3	**Trần Thị Hà**	4	1366	85,0	46,2	38,8	85,0	85,0	3.170.500.000	94.927.630	4.746.381	**3.270.174.011**	
4	**Phạm Chí Sơn và Lê Thị Hạnh**	4	1367	85,0	69,4	15,6	85,0	85,0	3.170.500.000			**3.170.500.000**	
5	**Đặng Hữu Biên và Đỗ Thị Giảng + Vũ Viết Tuyên và Bùi Thị Nhất**	4	1368	85,0	84,7	0,3	85,0	85,0	3.170.500.000	262.756.055	13.137.803	**3.446.393.858**	
6	**Đặng Hữu Tuân và Lâm Thị Hương + Vũ Thị Liên**	4	1369	85,0	85,0	0,0	85,0	85,0	3.170.500.000			**3.170.500.000**	
Tổng				**510**	**311**	**199**	**510**	**510**	**19.023.000.000**	**357.683.685**	**17.884.184**	**19.398.567.869**	

Bằng chữ: Mười chín tỉ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng./.

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (CHI TIẾT) ĐẤT ĐAI, MỒ MẢ, TÀI SẢN, CÂY TRỒNG, HOA MÀU TRÊN ĐẤT CẦN GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG: ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG. ĐỊA ĐIỂM: THÔN CẬY, XÃ BÌNH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình Giang)

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên *(đại diện gia đình có mộ)*	Số mộ	Các khoản bồi thường, hỗ trợ mồ mả			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Số tiền đã phê duyệt theo Quyết định 797/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã Bình Giang	Số tiền bổ sung sau khi điều chỉnh Phương án bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Chi phí đào, bốc và xây mới	Chi phí hỗ trợ	Hỗ trợ chi phí gia đình tự thu xếp về đất để di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=4+5+6*	*8*	*9=7-8*	*10*
	I. Thôn Cậy								
1	Nguyễn Hữu Ngọc	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
2	Phạm Văn Tiến (Vũ Thị Hồng)	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
3	Phạm Văn Tiến (Vũ Thị Hồng)	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
4	Trần Quý Dương	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
5	Hoàng Thị Mạnh	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
6	Trần Huy Hùng	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
7	Vũ Xuân Thắng	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
8	Trần Trọng Tiến (Vũ Thị Đường)	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
9	Trần Văn Huy	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
10	Vũ Thế Lương	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
11	Phạm Thị Phú	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
12	Nguyễn Thanh Ngọc	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
13	Trần Thị Ngọc Anh	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
14	Trần Văn Bột	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
15	Phạm Văn Nam	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	

STT	Họ và tên *(đại diện gia đình có mộ)*	Số mộ	Các khoản bồi thường, hỗ trợ mồ mả			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Số tiền đã phê duyệt theo Quyết định 797/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã Bình Giang	Số tiền bổ sung sau khi điều chỉnh Phương án bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Chi phí đào, bốc và xây mới	Chi phí hỗ trợ	Hỗ trợ chi phí gia đình tự thu xếp về đất để di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí				
16	Phạm Thị Gái	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
17	Trần Thị Thái	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
18	Phạm Văn Bình	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
19	Nguyễn Văn Long	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
20	Hoàng Văn Liên	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
21	Vũ Xuân Khang	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
22	Vũ Đình Sô (Vũ Đình Viết)	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
23	Nguyễn Thị Cẩm	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
24	Trần Thị Hương	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
25	Đỗ Long Giang	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
II. Thôn Bá Hợp									
1	Nguyễn Thị Hương	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
2	Trần Văn Tặng	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
3	Nguyễn Thị Tuynh	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
4	Nguyễn Văn Phùng	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
5	Nguyễn Thị Phin	1	10.000.000	6.500.000	20.000.000	36.500.000	31.500.000	**5.000.000**	
Cộng		**30**	**300.000.000**	**195.000.000**	**600.000.000**	**1.095.000.000**	**945.000.000**	**150.000.000**	
Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng./.									